

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 55 /SKHCN-TTNCUD
V/v thực hiện chế độ báo cáo thống kê
ngành KH&CN năm 2019

Quảng Trị, ngày 14 tháng 02 năm 2020

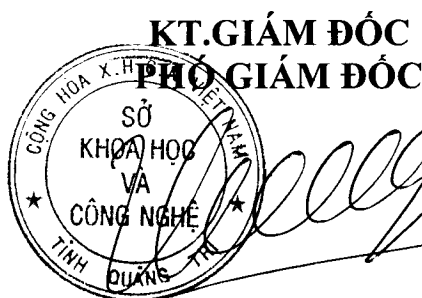
Kính gửi: Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia,
Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị kính gửi tài liệu thống kê ngành khoa học và công nghệ năm 2019 bao gồm:

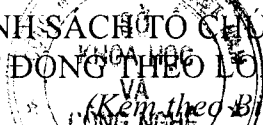
- Báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ (09 biểu kèm theo)
- Bảng điện tử báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ (gửi qua địa chỉ email của Cục Thông tin).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD Sở;
- Phòng QLCN&SHTT;
- Lưu: VT, TTNCUD.



Nguyễn Hữu Thắng


DANH SÁCH TỔ CHỨC KH&CN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
HOẠT ĐỘNG THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC LÀ DỊCH VỤ KH&CN KHÁC
(Kèm theo Điều 01/KHCN-TC - Số tổ chức KH&CN)

ST T	TÊN ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
1	Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	01 Phan Bội Châu, Phường 1, Thành Phố Đông Hà	0233.3521.061
2	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Quảng Trị	Khu đô thị Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành Phố Đông Hà	0233.3553.955
3	Trung tâm Khuyến Nông tỉnh Quảng Trị	29 Lý Thường Kiệt, Thành Phố Đông Hà	0233.3562.226
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	Đường Hoàng Diệu, Phường Đông Giang, Thành phố Đông Hà	0233.3852.582
5	Trung tâm Phát triển xã hội và tư vấn doanh nghiệp	Tầng 3 tòa nhà miền Trung, đường Điện Biên Phủ, Thành Phố Đông Hà	0941.088.777
6	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng	71, Ngô Quyền, Phường 5, Thành Phố Đông Hà	0233.3668.898
7	Trung tâm Y tế thành phố Đông Hà	83 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà	0233.3852.242
8	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	266 Hùng Vương, Đông Lương, Thành phố Đông Hà	0233.3852.209

Danh sách gồm 08 tổ chức KH&CN.

Biểu 01/KHCN-TC

Ban hành kèm theo Thông tư số
15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11
năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

SỐ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Có đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

- Đơn vị nhận báo cáo:


Cục Thông tin KH&CN quốc gia

Đơn vị tính: Tổ chức


A	Mã số	Tổng số	Chia theo loại hình kinh tế			
			Nhà nước		Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
B	1	2	3	4	5	
1. Tổng số <i>trong đó:</i>	01	15		13	2	
1.1. Chia theo thẩm quyền thành lập						
- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội	02					
- Chính phủ	03					
- Tòa án nhân dân tối cao	04					
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	05					
- Thủ tướng Chính phủ	06	1		1		
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	07					
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	08	12		10	2	
- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp	09	2		2		
- Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân	10					
1.2. Chia theo loại hình tổ chức						
- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	11	3		2	1	
- Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng:	12					
+ Trường đại học	13					
+ Học viện	14					

+ Đại học quốc gia, đại học vùng	15				
+ Viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ	16				
+ Trường cao đẳng	17	2		2	
- Tổ chức dịch vụ KH&CN:	18				
+DV thông tin, thư viện	19	1		1	
+DV bảo tàng KH&CN	20				
+DV dịch thuật, biên tập, xuất bản KH&CN	21				
+DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên	22				
+DV thống kê, điều tra xã hội	23				
+DV tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa	24	1		1	
+DV tư vấn về KH&CN	25				
+DV sở hữu trí tuệ	26				
+DV năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	27				
+DV chuyển giao công nghệ	28				
+DV KH&CN khác	29	8		7	1
1.3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ					
- Khoa học tự nhiên	30				
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	31	5		5	
- Khoa học y, dược	32	4		4	
- Khoa học nông nghiệp	33	3		2	1
- Khoa học xã hội	34	3		2	1
- Khoa học nhân văn	35				




Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiên

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thái Sơn

....., ngày 14 tháng 2 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị 
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH QUẢNG TRỊ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thắng

4. Chia theo lĩnh vực đào tạo								
- Khoa học tự nhiên	16	114	3	19	71	21		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	17	94	2	21	57	11	3	
- Khoa học y, dược	18	821	17	94	263	185	262	
- Khoa học nông nghiệp	19	65		15	46	3	1	
- Khoa học xã hội	20	84	6	39	34	5		
- Khoa học nhân văn	21	35		22	9	2	2	
- Khác	22	317		2	133	133	8	
5. Chia theo độ tuổi								
- Đến 35 tuổi	23	631	1	57	204	171	127	
- Từ 36-55 tuổi	24	531	24	123	194	20	115	
- Từ 56-60 tuổi	25	94	3	18	22	3	22	
- Từ 61-65 tuổi	26	1			1			
- Trên 65 tuổi	27							

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiến

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

....., ngày 14 tháng 2 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị *duly*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 03/KHCN-CP


Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)


- Đơn vị báo cáo: Sở KH&CN
Quảng Trị
- Đơn vị nhận báo cáo: Cục Thông tin KH&CN quốc gia
Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Nguồn trong nước ngoài ngân sách nhà nước	Nguồn Nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
Tổng chi trong đó:	01	34.977	7.320	27.657		
1. Chi đầu tư phát triển KH&CN	02	9.811		9.811		
2. Chi sự nghiệp KH&CN	03	25.166	7.320	17.846		
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	04	4.400		4.400		
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	05	13.520	7.320	6.200		
Trong đó:	06					
- Cấp quốc gia	07	7.320	7.320			
- Cấp bộ	08	4.400		4.400		
- Cấp tỉnh	09	1.800		1.800		
- Cấp cơ sở	10	7.246		7.246		
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	11					
3. Chi khác cho KH&CN						


Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

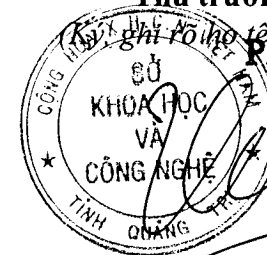

Nguyễn Sỹ Tiên

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

....., ngày... 14... tháng... 2... năm... 2020

Thủ trưởng đơn vị 
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 04/KHCN-NV

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-

BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

- Đơn vị nhận báo cáo:


Cục Thông tin KH&CN quốc gia

Đơn vị tính: Nhiệm vụ


	Mã số	Tổng số	Trong đó: Số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ	Tình trạng tiến hành			
				Số đang tiến hành		Số được nghiệm thu	Số đã đưa vào ứng dụng
				Số phê duyệt mới trong năm	Số chuyển tiếp từ năm trước		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1. Tổng số nhiệm vụ KH&CN	01	41	8	23	15	7	7
<i>Trong đó:</i> - Số đề tài/đề án KH&CN	02	28	7	16	9	3	3
- Số dự án KH&CN	03	13	1	7	6	4	4
2. Chia theo cấp quản lý							
- Cấp quốc gia	04						
- Cấp bộ	05	5			5		
- Cấp tỉnh	06	23	5	14	6	3	3
- Cấp cơ sở	07	13	3	9	4	4	4
3. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu							
- Khoa học tự nhiên	09						
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	10	7		3	4		
- Khoa học y, dược	11						
- Khoa học nông nghiệp	12	26	3	17	9	1	
- Khoa học xã hội	13	4	1	1	3		
- Khoa học nhân văn	14	4	1	2	2	2	
4. Chia theo mục tiêu kinh tế-xã hội							
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác trái đất, khí quyển	15						
- Phát triển cơ sở hạ tầng và quy hoạch sử dụng đất	16						

	Mã số	Tổng số	Trong đó: Số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ	Tình trạng tiến hành			
				Số đang tiến hành		Số được nghiệm thu	Số đã đưa vào ứng dụng
				Số phê duyệt mới trong năm	Số chuyển tiếp từ năm trước		
A	B	1	2	3	4	5	6
- Phát triển sản xuất và công nghệ nông nghiệp	17	27	3	19	7	1	
- Phát triển sản xuất và công nghệ công nghiệp	18	2		1	1		
- Phát triển, phân phối và sử dụng hợp lý năng lượng	19	1		1			
- Phát triển y tế và bảo vệ sức khoẻ con người	20	1					
- Phát triển giáo dục và đào tạo	21	1	1		1	1	
- Phát triển và bảo vệ môi trường	22						
- Phát triển xã hội và dịch vụ	23	9	1	2	7	1	
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác vũ trụ	24						
- Nghiên cứu do các trường đại học cấp kinh phí	25						
- Nghiên cứu không định hướng ứng dụng	26						
- Nghiên cứu dân sự khác	27						
- Bảo đảm an ninh, quốc phòng	28						

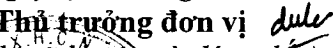
Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiến

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

....., ngày 14 tháng 02 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị 
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
PHO GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 05/KHCN-HTQT

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019.)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

- Đơn vị nhận báo cáo:


Cục Thông tin KH&CN quốc gia

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau


	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng kinh phí (triệu đồng)
A	B	C	1	2
1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN	01	Nhiệm vụ	0	
1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu				
- Khoa học tự nhiên	02	Nhiệm vụ		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	03	Nhiệm vụ		
- Khoa học y, dược	04	Nhiệm vụ		
- Khoa học nông nghiệp	05	Nhiệm vụ		
- Khoa học xã hội	06	Nhiệm vụ		
- Khoa học nhân văn	07	Nhiệm vụ		
1.2. Chia theo hình thức hợp tác				
- Đa phương	08	Nhiệm vụ		
- Song phương	09	Nhiệm vụ		
1.3. Chia theo đối tác quốc tế				
- Nước/tổ chức ...	10	Nhiệm vụ		
- Nước/tổ chức ...	11	Nhiệm vụ		
1.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí				
- Trong nước	12	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	13	Triệu đồng	X	
1.5. Chia theo cấp quản lý				
- Cấp quốc gia	15	Nhiệm vụ		
- Cấp bộ	16	Nhiệm vụ		
- Cấp tỉnh	17	Nhiệm vụ		
- Cấp cơ sở	18	Nhiệm vụ		

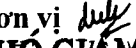

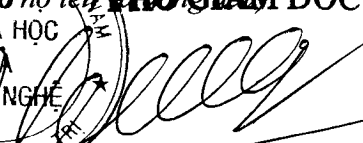
	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng kinh phí (triệu đồng)
2. Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết	19	Điều ước/thỏa thuận		
2.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu				
- Khoa học tự nhiên	20	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	21	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học y, dược	22	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học nông nghiệp	23	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học xã hội	24	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học nhân văn	25	Điều ước/thỏa thuận		
2.2. Chia theo đối tác quốc tế				
- Nước/tổ chức ...	26	Điều ước/thỏa thuận		
- Nước/tổ chức ...	27	Điều ước/thỏa thuận		
3. Số đoàn ra về KH&CN	28	Đoàn		
3.1. Chia theo nước đến nghiên cứu				
- ...	29	Đoàn		X
- ...	30	Đoàn		X
3.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện				
- Trong nước	31	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	32	Triệu đồng	X	
4. Số đoàn vào về KH&CN	33	Đoàn		
4.1. Chia theo nước cử đến nghiên cứu			02	
- Nước CHDCND Lào	34	Đoàn	02	X
- ...	35	Đoàn		X
4.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện				
- Trong nước (Tập huấn về: Thử nghiệm và sử dụng thiết bị thử nghiệm chất lượng nước sạch; Lập trình xây dựng website bằng WordPress; Kỹ thuật nuôi trồng nấm ăn, nấm dược liệu)	36	Triệu đồng	X	195,600
- Nước ngoài	37	Triệu đồng	X	

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiên

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

..... ngày 14 tháng 2 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị 
ghi rõ họ tên **PHÓ GIÁM ĐỐC**
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH QUẢNG TRỊ


Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 06/KHCN-CG

Ban hành kèm theo Thông tư số
15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11
năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Trị
- Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thông tin KH&CN quốc gia


	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1
1. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký	01	Hợp đồng	0
2. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp phép	02	Hợp đồng	0
3. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	03	Hợp đồng	0
3.1. Chia theo ngành kinh tế (*)			
-	04	Hợp đồng	
-	05	Hợp đồng	
3.2. Chia theo loại hình kinh tế			
- Nhà nước	06	Hợp đồng	
- Ngoài nhà nước	07	Hợp đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	08	Hợp đồng	
3.3. Chia theo hình thức chuyển giao			
- Chuyển giao công nghệ độc lập	09	Hợp đồng	
- Phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư	10	Hợp đồng	
- Góp vốn bằng công nghệ/nhượng quyền thương mại/chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ/mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	11		
- Hình thức khác	12	Hợp đồng	
4. Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	13	Triệu đồng	0

4.1. Chia theo ngành kinh tế			
-	14	Triệu đồng	
-	15	Triệu đồng	
4.2. Chia theo loại hình kinh tế			
- Nhà nước	16	Triệu đồng	
- Ngoài nhà nước	17	Triệu đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	18	Triệu đồng	
4.3. Chia theo hình thức chuyển giao			
- Chuyển giao công nghệ độc lập	19	Triệu đồng	
- Phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư	20	Triệu đồng	
- Góp vốn bằng công nghệ/nhượng quyền thương mại/chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ/mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	21		
- Hình thức khác	22	Triệu đồng	
4.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí			
- Nhà nước	23	Triệu đồng	
- Ngoài nhà nước	24	Triệu đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	25	Triệu đồng	
5. Số dự án đầu tư được thẩm định công nghệ	26	Dự án	0
5.1. Chia theo ngành kinh tế			
-	27	Dự án	
-	28	Dự án	
5.2. Chia theo loại hình kinh tế			
- Nhà nước	29	Dự án	

- Ngoài nhà nước	30	Dự án	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	31	Dự án	
5.3. Chia theo nước đầu tư			
-	32	Dự án	
-	33	Dự án	

* Ghi theo cấp 1 của bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiến

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

....., ngày 14 tháng 2 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị *duy*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 07/KHCN-DN

Ban hành kèm theo Thông tư số
15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11
năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**DOANH NGHIỆP VÀ THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

(Có đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

- Đơn vị nhận báo cáo:


Cục Thông tin KH&CN quốc gia

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Loại hình kinh tế		
				Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh nghiệp KH&CN						
1.1. Số doanh nghiệp KH&CN đang hoạt động	01	<i>Doanh nghiệp</i>	02	0	02	0
<i>Trong đó: 2017, 2018, Được cấp Giấy chứng nhận trong năm</i>	02	<i>Doanh nghiệp</i>				
1.2. Chia theo ngành kinh tế (*)						
Công nghiệp chế biến, chế tạo	03	<i>Doanh nghiệp</i>	02	0	02	0
	04	<i>Doanh nghiệp</i>				
1.3 Số doanh nghiệp KH&CN giải thể/ngừng hoạt động/bị thu hồi Giấy chứng nhận	05	<i>Doanh nghiệp</i>	0	0	0	0
1.4. Chia theo hình thức thành lập						
- Thành lập mới	06	<i>Doanh nghiệp</i>	02	0	02	0
- Chuyển đổi từ các tổ chức KH&CN	07	<i>Doanh nghiệp</i>	0	0	0	0
- Chuyển đổi từ doanh nghiệp	08	<i>Doanh nghiệp</i>	0	0	0	0
2. Số tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	09	<i>Tổ chức</i>	0	0	0	0
<i>Chia theo loại hình tổ chức</i>						
- Sàn giao dịch công nghệ	10	<i>Tổ chức</i>				
- Trung tâm giao dịch công nghệ	11	<i>Tổ chức</i>				
- Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyên giao công nghệ	12	<i>Tổ chức</i>				
- Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	13	<i>Tổ chức</i>				
- Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	14	<i>Tổ chức</i>				


- Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	15	Tổ chức				
- Tổ chức khác	16	Tổ chức				
3. Giá trị giao dịch của thị trường KH&CN						
Trong đó: - Trong nước	17	Triệu đồng				
- Ngoài nước	18	Triệu đồng				
3.1. Chia theo ngành kinh tế (*)						
-	19	Triệu đồng				
-	20	Triệu đồng				
3.2. Chia theo nước/vùng lãnh thổ						
- ...	21	Triệu đồng				
- ...	22	Triệu đồng				
3.3. Chia theo hình thức						
- Xuất khẩu	23	Triệu đồng				
Trong đó: Công nghệ cao	24	Triệu đồng				
- Nhập khẩu	25	Triệu đồng				
Trong đó: Công nghệ cao	26	Triệu đồng				

* Ghi theo cấp 1 của bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiên

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

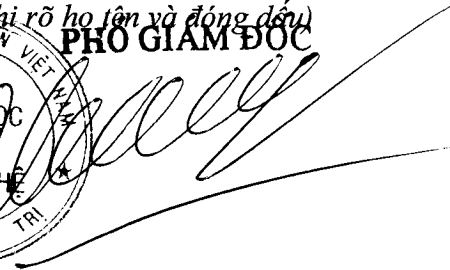
....., ngày 14 tháng 2 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị 

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 09/KHCN-TĐC

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-

BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

(Có đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia


	Mã số	Đơn vị tính	Tổng cộng	Trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
1. Số tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) được công bố	01	<i>Tiêu chuẩn</i>	0	0
1.1. Chia theo loại tiêu chuẩn				
- ...	02	<i>Tiêu chuẩn</i>		
- ...	03	<i>Tiêu chuẩn</i>		
1.2. Chia theo lĩnh vực tiêu chuẩn				
- ...	04	<i>Tiêu chuẩn</i>		
- ...	05	<i>Tiêu chuẩn</i>		
2. Số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) được ban hành	06	<i>Quy chuẩn</i>	0	0
2.1. Chia theo loại quy chuẩn kỹ thuật				
- Quy chuẩn kỹ thuật chung	07	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật an toàn	08	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	09	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật quá trình	10	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật dịch vụ	11	<i>Quy chuẩn</i>		
2.2. Chia theo lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật				
- ...	12	<i>Quy chuẩn</i>		
- ...	13	<i>Quy chuẩn</i>		

3. Số quy chuẩn kỹ thuật địa phương	15	<i>Quy chuẩn</i>		
3.1. Chia theo loại quy chuẩn kỹ thuật				
- Quy chuẩn kỹ thuật chung	16	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật an toàn	17	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	18	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật quá trình	19	<i>Quy chuẩn</i>		
- Quy chuẩn kỹ thuật dịch vụ	20	<i>Quy chuẩn</i>		
3.2. Chia theo lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật				
- ...	21	<i>Quy chuẩn</i>		
- ...	22	<i>Quy chuẩn</i>		
4. Số doanh nghiệp, tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc gia	14	<i>Doanh nghiệp/Tổ chức</i>	0	0
Trong đó				
4.1. Chia theo loại hình doanh nghiệp, tổ chức				
- ...		<i>Doanh nghiệp/Tổ chức</i>		
- ...		<i>Doanh nghiệp/Tổ chức</i>		
- ...		<i>Doanh nghiệp/Tổ chức</i>		
4.2. Hình thức giải thưởng				
- ...		<i>Giải thưởng</i>		
5. Số mẫu phương tiện đo được phê duyệt				
<i>Chia theo loại phương tiện đo</i>		<i>Phương tiện</i>	0	0


- Độ dài	23	<i>Phương tiện</i>		
- Khối lượng	24	<i>Phương tiện</i>		
- Dung tích - Lưu lượng	25	<i>Phương tiện</i>		
- Áp suất	26	<i>Phương tiện</i>		
- Nhiệt độ	27	<i>Phương tiện</i>		
- Hóa lý	28	<i>Phương tiện</i>		
6. Số tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	29	<i>Tổ chức</i>	03	03
7. Số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm <i>Chia theo loại phương tiện đo</i>	30	<i>Phương tiện</i>		
- Độ dài	31	<i>Phương tiện</i>	75	
- Khối lượng	32	<i>Phương tiện</i>	2115	
- Dung tích - Lưu lượng	33	<i>Phương tiện</i>	2310	
- Áp suất	34	<i>Phương tiện</i>	234	
- Nhiệt độ	35	<i>Phương tiện</i>		
- Hóa lý	36	<i>Phương tiện</i>	3447	
8. Số giấy chứng nhận về hệ thống quản lý cấp cho tổ chức, doanh nghiệp <i>Chia theo hệ thống quản lý</i>	37	<i>Giấy chứng nhận</i>		
- ...	38	<i>Giấy chứng nhận</i>		
- ...	39	<i>Giấy chứng nhận</i>		

9. Số doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng mã vạch	40	<i>Doanh nghiệp</i>	14	14
10. Số phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn được công nhận	41	<i>Phòng</i>	04	04
<i>Chia theo lĩnh vực thử nghiệm, hiệu chuẩn</i>				
- ...	42	<i>Phòng</i>		
- ...	43	<i>Phòng</i>		
11. Số tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký lĩnh vực hoạt động	44	<i>Tổ chức</i>	06	
<i>Chia theo</i>				
- Số tổ chức thử nghiệm	45	<i>Tổ chức</i>	04	04
- Số tổ chức chứng nhận	46	<i>Tổ chức</i>	01	
Trong đó:	+ Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa	47	<i>Tổ chức</i>	01
	+ Chứng nhận hệ thống quản lý	48	<i>Tổ chức</i>	0
- Số tổ chức giám định	49	<i>Tổ chức</i>		
- Số tổ chức kiểm định	50	<i>Tổ chức</i>	03	03

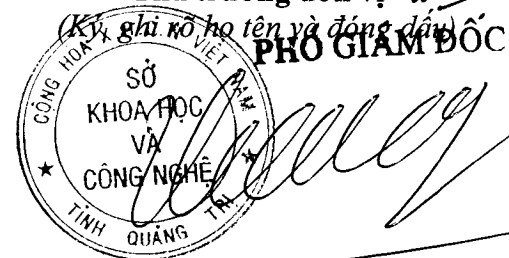
Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiến

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

....., ngày 14 tháng 2 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hữu Thắng

Biểu 10/KHCN-NLAT

Ban hành kèm theo Thông tư số
15/2018/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 11
năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ
VÀ HẠT NHÂN**

(Có đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị


- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia


A	Mã số	Đơn vị tính	Tổng cộng	Chia theo loại hình kinh tế		
				Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
	B	C	1	2	3	4
1. Số người hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử	01	<i>Người</i>	75	58	17	
1.1. Trong đó: Nữ	02	<i>Người</i>				
1.2. Chia theo lĩnh vực KH&CN						
- Khoa học tự nhiên	03	<i>Người</i>				
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	04	<i>Người</i>				
- Khoa học nông nghiệp	05	<i>Người</i>				
- Khoa học xã hội	06	<i>Người</i>				
- Khoa học y, dược	07	<i>Người</i>				
- Khoa học nhân văn	08	<i>Người</i>				
- Khác	09	<i>Người</i>				
1.3. Chia theo trình độ chuyên môn						
- Tiến sĩ	10	<i>Người</i>				
- Thạc sĩ	11	<i>Người</i>				
- Đại học	12	<i>Người</i>				
- Khác	13	<i>Người</i>				
1.4. Chia theo lĩnh vực hoạt động						
- Quản lý nhà nước	14	<i>Người</i>				
- Nghiên cứu, giảng dạy	15	<i>Người</i>				
- Ứng dụng, dịch vụ,...	16	<i>Người</i>				
1.5. Chia theo lĩnh vực ứng dụng						
- Y tế	17	<i>Người</i>				

- Công nghiệp và các ngành kinh tế kỹ thuật	18	Người				
- Nông nghiệp	19	Người				
- Tài nguyên và môi trường	20	Người				
- Khác	21	Người				
2. Số tổ chức tiến hành công việc bức xạ	22	Tổ chức	38	19	19	
3. Số cá nhân tiến hành công việc bức xạ	23	Người				
4. Số nhân viên bức xạ	24	Người	53	36	17	
trong đó: Nữ	25	Người	5	4	1	
5. Số thiết bị bức xạ	26	Thiết bị	59	40	19	
6. Số nguồn phóng xạ	27	Nguồn	17	7	10	
7. Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ được cấp	28	Giấy phép	14	8	6	

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Sỹ Tiến

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thái Sơn

....., ngày..14...tháng..2...năm.2020

Thủ trưởng đơn vị *duty*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thắng